

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2020/NHGD-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con
khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Cương.
2. Ông Nguyễn Xuân Vinh

Thư ký phiên tòa:Bà Phan Thị Hải; chức vụ: Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1990 (vắng mặt có lý do).

Nơi cư trú: Thôn 21, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1981 (vắng mặt có lý do).

Nơi cư trú: Xóm 10, xã P, huyện N, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng nội dung đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Phạm Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 10, xã P, huyện N, tỉnh Nghệ An, nhưng không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh C sống không có trách nhiệm với gia đình, không chịu khó làm ăn, không tôn trọng vợ con, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Hiện tại chị xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa chị và anh C đã có thời gian dài sống ly, nên chị L đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn C.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 01 con chung là Phạm Ngọc D, sinh ngày 27/5/2015, hiện nay con chung đang sinh sống cùng với chị kể từ ngày vợ chồng ly thân cho đến nay. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng 01 con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Chị Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Văn C vắng mặt có lý do. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của anh C trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý như ý kiến của chị Lê Thị L về thời gian, điều kiện kết hôn. Tuy nhiên về mâu thuẫn gia đình như chị L trình bày chưa đúng, mà nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không phù hợp nhau, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Hiện tại anh xác định tình cảm vẫn còn với chị L và mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái, do vậy anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung; cấp dưỡng và tài sản chung, nợ chung: Anh C cũng xác định vợ chồng có 01 con chung như chị Lan trình bày. Do anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, cấp dưỡng và tài sản chung, nợ chung.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời gian quy định. Việc thu thập

chứng cứ, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng thời gian, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; điều 227; điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51; điều 56, điều 81, 82 và điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lê Thị Lan được ly hôn với anh Phạm Văn Chung.

Về nuôi con chung: Giao con chung là Phạm Ngọc D, sinh ngày 27/5/2015 cho chị Lê Thị L chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh C.

Về chia tài sản: Các đương sự không ai yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Lê Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An giải quyết về “Tranh chấp ly hôn, về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Phạm Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm 10, xã P, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An.

1.3. Về sự vắng mặt của đương sự:

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định tại khoản 5 điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[1] Về nội dung tranh chấp.

2.1: Về hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Phạm Văn C là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Nghệ An, do đó quan hệ hôn nhân của chị L, anh C là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và tạo điều kiện để các đương sự đoàn tụ. Tuy nhiên chị Lan vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lan là do anh Phạm Văn C sống không có trách nhiệm với gia đình, không chịu khó làm ăn, không tôn trọng vợ con, thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Về phía bị đơn anh C cho rằng nguyên nhân là do vợ chồng sống bất đồng quan điểm, không phù hợp nhau nên dẫn đến có việc cãi vã lẫn nhau, nhưng tình trạng hôn nhân chưa đến mức trầm trọng, anh cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài cho đến nay. Nguyên vọng của anh mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ, nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn, anh C mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng anh C không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vẫn để mặc chị L và con sinh sống ở nhà bố mẹ chị L mà không có thăm hỏi, động viên gì kể từ khi vợ chồng sống ly thân vào tháng 5 năm 2015 cho đến nay, điều đó chứng tỏ bản thân anh C không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân này nên không có thiện chí hàn gắn cùng chị L đoàn tụ.

Căn cứ vào lời khai của ông Lê Sỹ L (là bố của chị L) thể hiện: Chị L đã về nhà bố mẹ của mình từ tháng 6 năm 2015, từ khi chị L về bố mẹ của mình ở, anh C không hề đi lại thăm hỏi, động viên mẹ con chị L từ khi ly thân cho đến nay.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như ý kiến, lời trình bày của các đương sự có căn cứ để xác định: Vợ chồng chị Lê Thị L và anh

Phạm Văn C phát sinh mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 6 năm 2015 cho đến nay. Nguyên nhân được xác định là do anh C không có trách nhiệm với gia đình, không tôn trọng vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Điều đó chứng tỏ anh C đã vi phạm về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng và kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được; đời sống chung của vợ chồng không tồn tại trên thực tế vì các bên đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2015 cho đến nay. Do đó, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị L, xử cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn C là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về việc nuôi con: Quá trình chung sống chị Lan và anh C xác định có 01 (một) con chung là Phạm Ngọc D, sinh ngày 27/5/2015. Xét nguyện vọng xin nuôi con chung của chị L thấy rằng: Kể từ khi vợ chồng sống ly thân (tháng 6 năm 2015) con chung do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân con chung của chị L, anh C đang còn quá nhỏ, nên cần giao con chung cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của chị L, đồng thời phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo quyền lợi của con nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh C.

2.4 Về chia tài sản: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L, anh Phạm Văn C có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; điều 227; điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51; điều 56; điều 81, 82 và điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án);

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn C.
- Về việc nuôi con: Giao cho chị Lê Thị L là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Phạm Ngọc D, sinh ngày 27/5/2015.

Anh C được quyền đi lại thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu cấp dưỡng, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phạm Văn C.

- Về chia tài sản: Các đương sự không ai yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0006002 ngày 05/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nghệ An.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Hương Giang